

Bản án số:10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thại và bà Phan Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoi – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã AyunPa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay Ha -Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2021, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Xuân T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số nhà 31/2 hẻm L, tổ 7, phường Đ, thị xã A, tỉnh G.

Bị đơn: Anh **Lê Hồng S**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số nhà 64 P, tổ dân phố 2, phường Đ, thị xã A, tỉnh G.

Chị T có mặt. Anh S vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 09/8/2021; bản tự khai lập ngày 11/8/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Xuân T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Hồng S tự nguyện tìm hiểu và quyết định kết hôn, có đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã A, tỉnh G. Sau khi kết hôn chị và anh S chung sống không hạnh phúc. Vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn hay cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không hạnh phúc và không thể tiếp tục sống chung được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hồng S.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Phạm Băng N, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2017. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ tài sản của ai và không ai nợ vợ chồng.

Đối với bị đơn anh Lê Hồng S: Anh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và nhiều văn bản tố tụng khác nhưng đều vắng mặt tại các phiên hòa giải và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong việc giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Phạm Thị Xuân T ly hôn với anh Lê Hồng S.

Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Phạm Băng N, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2017. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Phạm Thị Xuân T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Phạm Thị Xuân T yêu cầu Tòa giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung giữa chị và anh Lê Hồng S. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lê Hồng S là bị đơn trong vụ kiện có nơi ĐKKTT và sinh sống tại: Số nhà 64 P, tổ dân phố 2, phường Đ, thị xã A, tỉnh G. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án. Anh S là bị đơn trong vụ kiện, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án xét xử vắng mặt anh S tại phiên tòa theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Xuân T và anh Lê Hồng S là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hai người tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/02/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã A, tỉnh G. Theo chị T khai thì quá trình chung sống của vợ chồng không hạnh phúc, nảy sinh nhiều mâu thuẫn hay cãi vã. Mâu thuẫn giữa hai bên sâu sắc đến mức hai bên đã ly thân từ 2019 đến nay. Khi giải quyết vụ án, anh S đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng anh S không hợp tác, không chấp hành việc triệu tập. Điều đó chứng tỏ anh S không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng, không có ý thức hàn gắn mâu thuẫn giữa vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con cái cho tốt.

Xét thấy hai bên đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm tới nhau. Hiện tại mâu thuẫn giữa vợ chồng đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh S.

[3] Về việc nuôi con chung:

Xét nguyện vọng nuôi con của chị T thấy rằng chị T đã nuôi con từ nhỏ. Hiện tại chị T có đủ các điều kiện về thu nhập, nơi ở để trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu N, căn cứ điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Phạm Băng N, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2017. Chị T không yêu cầu nên anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và công nợ chung:

Các đương sự không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung. Hiện tại không có công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Xuân T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Phạm Thị Xuân T ly hôn với anh Lê Hồng S.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Phạm Thị Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Phạm Băng N, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2017. Anh Lê Hồng S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Thời gian trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Thảo tính từ ngày hôm nay (28/9/2021) cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Lê Hồng S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

3. *Về án phí*: Chị Phạm Thị Xuân T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0010283 ngày 09/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, Số tiền này được chuyển thành tiền án phí sung công quỹ.

4. *Quyền kháng cáo*: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2021, chị Phạm Thị Xuân T có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh Lê Hồng S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn nói trên kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Chi cục THA DS thị xã Ayun Pa;
- Các đương sự;
- UBND phường (nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Toàn

